

Số: /QĐ-VHXH

Gia Nghĩa, ngày tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung**  
**ngân sách năm 2025 của phòng Văn hóa – Xã hội**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND phường Nam Gia Nghĩa về việc bổ sung kinh phí năm 2025;*

*Căn cứ Thông báo số 95/TB-KTHTĐT ngày 19/11/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thẩm tra phân bổ dự toán năm 2025;*

*Theo đề nghị của bộ phận chuyên môn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phòng Văn hóa – Xã hội:

*(Theo biểu đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị, bộ phận kế toán và toàn thể công chức phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT(lq).

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Thị Xuân**

**Đơn vị: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa**

**Chương: 832**

**DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ- VHXXH ngày /11/2025 của phòng Văn hóa – Xã hội)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                                                                                      | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                                                             | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                            |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                     |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                       |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                                                  |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                         | <b>2</b>          |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                             | <b>2</b>          |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                 | <b>2</b>          |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                              | 0                 |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ <i>(Loại 340 khoản 341 - nguồn 15)</i>                                 | 2                 |
|            | Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND tỉnh. | 2                 |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                                    |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                                            |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                     |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                                  |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                                        |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                                                        |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                                       |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                                         |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                                     |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                                    |                   |

|            |                                                         |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |

